

TỈNH ỦY LẠNG SƠN

*

Số 1164-QĐ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 978-QĐ/TU, ngày 14/11/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Quyết định số 977-QĐ/TU, ngày 13/11/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tại Tờ trình số 119-TTr/UBKTTU, ngày 02/3/2018,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Điều 2. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra các huyện ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy phối hợp với toà án nhân dân huyện, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ huyện ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng ở các huyện, thành phố.

Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy trực thuộc căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng giữa ủy ban kiểm tra với toà án nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 3. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 730-QĐ/TU, ngày 26/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Quy chế phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Nơi nhận:

- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Vụ II - Uỷ ban Kiểm tra Trung ương,
- Như Điều 3 (thực hiện),
- Các huyện uỷ, thành uỷ trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Hoàng Văn Nghiệm

QUY CHẾ

phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng
(Ban hành kèm theo Quyết định số -QĐ/TU, ngày /3/2018
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh (gọi tắt là hai cơ quan) phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, tham mưu giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1- Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, các quy định, hướng dẫn, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2- Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; trên cơ sở bàn bạc, thống nhất, phát huy trách nhiệm của mỗi cơ quan.

3- Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để hai cơ quan chủ động, tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cơ quan đề nghị có văn bản yêu cầu và cơ quan được đề nghị trả lời chính thức.

4- Những văn bản, tài liệu về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý, sử dụng và lưu trữ theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1- Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và công tác cán bộ; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến công tác cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ

luật về hành chính, đoàn thể được kịp thời.

2- Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3- Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

4- Thực hiện các nhiệm vụ do Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

5- Giúp Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

6- Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quyết định về những việc có liên quan đến công tác xây dựng Đảng, củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của các tổ chức đảng có liên quan trong Quy chế này.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy giao, nếu có vấn đề liên quan đến Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh thì gửi văn bản đề nghị phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Tham gia ý kiến với Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong việc giúp Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy về những việc có liên quan đến chuẩn bị **nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đánh giá, bố trí, đề cử, ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.**

d) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, nêu có vấn đề liên quan đến Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh, thì chủ động phối hợp để thực hiện.

đ) Khi có nhu cầu về tài liệu, hồ sơ các vụ việc kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng có liên quan thì gửi văn bản đề

ng nghị Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp.

Tiếp nhận, xem xét giải quyết theo thẩm quyền các đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng do Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh chuyển đến.

e) Thông báo bằng văn bản đến Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh.

2- Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý có dấu hiệu vi phạm hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền giải quyết của Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ thì chuyển đến Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ phối hợp thực hiện.

c) **Qua làm việc với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ hoặc với các huyện, thành uỷ, cơ quan, đơn vị, nếu phát hiện có vấn đề liên quan đến tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý thì thông báo bằng văn bản (kèm theo đơn, thư tố cáo hoặc văn bản kiến nghị (nếu có)) đến Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.**

d) Phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Các văn bản của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng khi gửi Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ thì đồng gửi Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.

e) Khi tiến hành các kỳ họp có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng thì Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh gửi giấy mời hoặc thông báo cho Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ cử thành viên Uỷ ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1- Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị để cử cán bộ tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị gửi văn bản cho cơ quan

được đề nghị kèm theo tài liệu cần thiết trước 10 ngày để chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết bằng văn bản. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định cần thời gian dài hơn thời hạn quy định thì cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết trước thời hạn quy định.

2- Khi cần thiết, hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản những thông tin, tài liệu đã được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao.

3- Những vấn đề quan trọng cần trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh phân công đồng chí Phó Bí thư Ban cán sự đảng chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp giữa hai cơ quan.

2- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng thì Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hoặc Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết.

3- Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì các cơ quan có tên ở Điều 1 báo cáo để Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

Điều 7. Chế độ họp và báo cáo

Hàng năm hoặc khi cần thiết, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.